TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 19-01-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Trần Văn Thắng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Trần Xuân H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thủy - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 22-11-2023).

- Bị đơn:

1. Bà Vũ Lan H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 105 đường M, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Xuân K, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số nhà 105 đường M, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân K: Bà Vũ Lan H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 105 đường M, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 08-01-2024).

(bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Lan H có mặt)

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H có mối quan hệ xã hội với bà Vũ Lan H. Do bà H cần tiền làm ăn và có đặt vấn đề nhờ vợ chồng bà H vay hộ tiền nên bà Trần Thị Ngọc H cùng chồng là ông Trần Xuân H đã cho vợ chồng bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K vay tiền cụ thể như sau: Lần thứ nhất ngày 23-8-2017 (tức ngày 02-7-2017 âm lịch) vợ chồng bà H cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn vay 8 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Lần thứ hai ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) cho vay số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Mỗi lần vay vợ chồng bà H và ông K đều viết giấy biên nhận nội dung thể hiện ngày, tháng, năm cho vay, số tiền vay, thời hạn vay, người vay ký nhận. Khi cho vợ chồng bà bà H và ông K vay tiền lần thứ hai bà H và ông H đã yêu cầu bà H và ông K viết giấy vay tiền gộp của lần vay lần thứ nhất và lần vay thứ hai thành một giấy vay tiền, tổng cộng là 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), thời hạn vay 10 tháng; lãi suất không ghi rõ bao nhiêu phần trăm trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng là 2%/tháng, bên vay tiền bà H và ông K ký nhận. Khi cho bà H và ông K vay tiền các bên đều giao dịch bằng tiền mặt. Sau khi cho vay tiền lần thứ hai thì khoảng một hai tháng sau bà Hoa và ông H tiếp tục cho bà H và ông K vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng không viết giấy vay tiền. Tổng cộng bà H, ông H đã cho bà H ông K vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Quá trình trả nợ, khoảng tháng 3,4,5 năm 2019 do cần tiền cho con trai đi nước ngoài nên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông K trả nợ, vợ chồng bà H và ông K đã trả được 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Đối với tiền lãi suất của lần vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) ngày 23-8-2017 (tức ngày 02-7-2017 âm lịch), bà H và ông K đã trả đầy đủ lãi theo mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương số tiền 20.000.000 đồng, đối với số tiền lãi suất của lần vay ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) thì vợ chồng bà H ông K đã trả

lãi đều đặn hàng tháng cho đến hết tháng 8-2020 theo mức lãi suất là 2%/tháng như hai bên đã thỏa thuận. Kể từ tháng 9-2020 đến nay thì vợ chồng bà H ông K không trả lãi đầy đủ cho bà H và ông H, chỉ có một số lần bà H chuyển vào tài khoản của bà H, ông H và con trai bà H một phần tiền lãi nhưng bà không nhớ chính xác số tiền cụ thể.

Quan điểm của bà Trần Thị H và ông Trần Xuân H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ tháng 9-2020 cho đến khi vợ chồng bà H ông K trả hết toàn bộ số nợ gốc. Bà không yêu cầu vợ chồng bà H ông K phải trả số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả. Đối với số tiền lãi hai bên đã thỏa thuận 2%/tháng, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời chấp nhận việc điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của pháp luật, số tiền lãi bà H đã trả thừa so với quy định sẽ được trừ vào tiền nợ gốc.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Vũ Lan H trình bày:

Ngày 23-8-2017 vợ chồng bà Trần Thị H và ông Trần Xuân H có mang tiền sang gửi bà để lấy lãi hàng tháng, bà đã vay của bà H và ông H là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ngày 03-10-2017 bà H tiếp tục mang 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) nữa sang gửi bà, khi cho bà vay tiền lần thứ hai, bà H yêu cầu bà viết giấy vay gộp của cả lần vay ngày 23-8-2017 thành một giấy vay tiền là 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) và hủy giấy vay tiền của ngày 23-8-2017 là 1.000.000.000 đồng đi. Khoảng một hai tháng sau lần viết giấy vay tiền ngày 03-10-2017 bà H và ông H tiếp tục cho bà vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Về lãi suất khi vay các bên không thỏa thuận cụ thể trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận bên ngoài là 2%/tháng. Giấy vay tiền do bà viết, nội dung cơ bản thể hiện vợ chồng bà có vay của vợ chồng bà H và ông H số tiền 1.900.000.000 đồng, thời hạn trả, ký nhận người vay là tên bà và chồng Trần Xuân K. Mục đích vay tiền để kinh doanh trong gia đình, bà Vũ Lan H xác nhận mọi giao dịch vay tiền đều do một mình bà thực hiện, chồng bà là ông Trần Xuân K không liên quan, tuy nhiên do bà H và ông H yêu cầu cả bà và ông K phải ký vào giấy vay tiền nên ông K mới ký nhận vào các giấy vay tiền. Quá trình vay nợ hàng tháng vào ngày 14 (âm lịch) bà H trực tiếp sang lấy tiền lãi, khi trả lãi hai bên cũng không ký nhận gì. Đối với khoản vay lần thứ nhất ngày 23-8-2017 bà đã trả lãi một tháng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau đó khi viết gộp giấy vay tiền của lần thứ hai ngày 03-10-2017 thì bắt đầu trả lãi của khoản vay 1.900.000.000 đồng. Sau khi viết giấy vay tiền lần thứ hai thì khoảng một đến hai tháng sau (bà không nhớ chính xác thời điểm) bà H tiếp tục cho bà vay thêm 100.00.000 đồng một trăm triệu đồng) nhưng

không viết giấy vay tiền. Tổng cộng là 2.000.000 tỷ đồng (hai tỷ đồng). Bà đã trả lãi mỗi tháng là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), đến khoảng tháng 3,4,5 năm 2019 bà đã trả nhiều lần cho bà H và ông H được 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Số tiền gốc còn lại 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) bà vẫn trả lãi hàng tháng là 2% (tương đương 30.000.000 đồng/tháng) cho đến tháng 8-2020. Số tiền tiền gốc và lãi bà đã trả bà H, hai bên đều thanh toán bằng tiền mặt, không có giấy tờ gì xác nhận. Do điều kiện khó khăn sau thời điểm tháng 8-2020 bà không trả đủ cho bà H theo mức lãi suất là 2%/tháng theo như thỏa thuận được, chỉ có 7 lần trả lãi cụ thể như sau:

Lần thứ nhất ngày 17-12-2020 trả vào tài khoản cháu Trần X (con trai bà H và ông H) số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai ngày 05-5-2021 trả vào tài khoản cháu Trần X (con trai bà H và ông H) số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Lần thứ ba ngày 15-6-2021 trả vào tài khoản ông Trần Xuân H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Lần thứ tư ngày 17-7-2021 trả vào tài khoản ông Trần Xuân H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Lần thứ năm ngày 01-11-2021 trả vào tài khoản ông Trần Xuân H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Lần thứ sáu ngày 01-01-2023 trả vào tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Lần thứ bảy ngày 04-01-2023 trả vào tài khoản bà Trần Thị Ngọc H số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra vào cuối năm 2019 bà H có vay hộ bà số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu), thời hạn vay 02 tháng, lãi suất là 18%/tháng. Khoản vay này bà đã trả hết nợ gốc 200.000.000 đồng và đã trả lãi 72.000.000 đông (bảy mươi hai triệu). Giao dịch vay và trả đều trả bằng tiền mặt. Đối với khoản vay này bà đã có đơn tố giác gửi cơ quan công an về hành vi cho vay lãi nặng của bà H.

Quan điểm của bà Vũ Lan H xác định: Số tiền bà đã vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) lãi suất là 2%/tháng, nợ gốc đã trả là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), số tiền nợ gốc còn lại là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), đối với số tiền lãi 2%/tháng đã trả, bà đề nghị Tòa án tính lại theo quy định của pháp luật, số tiền lãi quá quy định bà đề nghị trừ vào nợ gốc của bà H.

3. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Trần Xuân K trình bày:

Mọi giao dịch vay tiền đều do bà H thực hiện, mục đích vay tiền để kinh doanh trong gia đình, tuy nhiên do công việc kinh doanh khó khăn nên vợ chồng ông chưa có điều kiện trả nợ cho bà H. Ông nhất trí với quan điểm của bà Vũ Lan H đã trình bày về quá trình vay nợ của bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

4. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm:

Nhất trí về số tiền lãi bị đơn đã trả sau thời điểm tháng 8-2020 tổng cộng bảy lần với số tiền là 24.000.000 đồng như bị đơn đã trình bày là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải trả tiền nợ gốc sau khi đã trừ phần lãi bà H trả vượt quá quy định, buộc bà H và ông K phải trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc từ thời điểm tháng 9-2020 cho đến khi bà H và ông K thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

5. Tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Lan H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân K giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại tiền lãi suất bà đã trả, số tiền lãi còn lại trừ vào nợ gốc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phát biểu quan điểm:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 147, Điều 148; Điều 357; Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện hợp đồng tranh chấp vay tài sản của bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H đối với bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K.

- Buộc bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải trả cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H số tiền nợ gốc sau khi đã đối trừ tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật bà H đã trả và lãi suất quá hạn đối với tiền nợ gốc còn lại theo quy định của pháp luật kể từ tháng 9-2020.

- Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, buộc bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải nộp theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K. Xét thấy các bên xác nhận "Giấy vay tiền" ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) là do bà Vũ Lan H viết và ký nhận cùng chồng là ông Trần Xuân K. Vì vậy, xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H và bà Vũ Lan H, ông Trần Xuân K.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngày 18-10-2023, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 105 đường M, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

1.3. Về yêu cầu của bị đơn đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Lan H trình bày cuối năm 2019 bà H có vay hộ bà số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu), thời hạn vay 02 tháng, lãi suất là 18%/tháng. Khoản vay này bà đã trả hết nợ gốc 200.000.000 đồng và đã trả lãi 72.000.000 đông (bảy mươi hai triệu). Giao dịch vay và trả đều trả bằng tiền mặt. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà Vũ Lan H giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của bà H, tuy nhiên bà Vũ Lan H trình bày chỉ có các tin nhắn trao đổi với bà H về khoản vay này và đã in giao nộp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Nam Định về đơn tố giác của bà H, tại biên bản xác minh ngày 04-01-2024 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Nam Định cung cấp: Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Nam Định đã nhận được đơn của bà Vũ Lan H qua đường bưu điện và đnag tiến hành xác minh nội dung vụ việc, chưa thụ lý. Vì vậy yêu cầu của bà Vũ Lan H đối với khoản vay 200.000.000 đồng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

[2] Về tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong vụ án giữa bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H và bà Vũ Thị Lan Hương, ông Trần Xuân K có mối quan hệ vay tài sản thể hiện bằng "Giấy vay tiền" ngày 23-8-2017 (tức ngày 02-7-2017 âm lịch) và "Giấy vay tiền" ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) với số tiền là 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), thời hạn vay là 10 tháng ngoài ra bà H và ông H còn cho bà H và ông K vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng không viết giấy vay tiền. Tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận nội dung trên, căn cứ quy định tại Điều 398 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H và bà Vũ Lan H, ông Trần Xuân K đã được giao kết là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

2.2. Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

2.2.1. Về số nợ gốc:

Sau khi viết giấy vay tiền ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) với số tiền là 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), sau đó khoảng một đến hai tháng sau bà H và ông H tiếp tục cho bà H và ông K vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng không viết giấy vay tiền. Tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Bà H đã trả được 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, số tiền còn lại chưa trả, bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H và ông K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận. Vì vậy có căn cứ để xác định bà H, ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử sẽ buộc bà H, ông K phải trả toàn bộ số nợ gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), nhưng sẽ được trừ đi số tiền lãi mà bà H đã trả cho bà H và ông H vượt quá mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự.

2.2.2. Về xác định thời hạn trả nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng):

Quá trình trả nợ bà H trình bày trong khoảng tháng 3, tháng 4, tháng 5 năm 2019 bà không nhớ rõ ngày, bà H đã trả cho bà H và ông H 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không xác định được cụ thể thời điểm bà H đã trả khoản nợ gốc trên và nhất trí với quan điểm trình bày của bà H về thời điểm trả số tiền gốc. Vì vậy căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn và Điều 148 Bộ luật Dân sự về thời điểm kết thúc thời hạn thì thời hạn tính lãi khoản của nợ gốc còn lại sau khi bà H ông K đã trả 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

được xác định là ngày tiếp theo của ngày cuối cùng của tháng 5-2019 là ngày 01-6-2019 với mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

2.3. Về tiền lãi:

Căn cứ việc thống nhất xác định về lãi suất cho vay giữa bà Trần Thị Ngọc H và bà Vũ Lan H, lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương 24%/năm). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận đã vượt quá quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ chỉ chấp nhận mức lãi suất cho vay giữa hai bên bằng mức cao nhất theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm.

2.3.1 Về xác định thời hạn tính tiền lãi:

Đối với "Giấy vay tiền" ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) bà H và ông H cho bà H và ông K vay 1.900.000.000 đồng, sau đó khoảng một đến hai tháng bà H và ông H tiếp tục cho vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng đã được các bên thừa nhận. Vì vậy căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn và Điều 148 Bộ luật Dân sự về thời điểm kết thúc thời hạn thì thời hạn tính lãi của khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) sau khi đã trừ tiền lãi quá quy định được xác định là ngày tiếp theo của ngày cuối cùng của tháng 12-2017 là ngày 01-01-2018 với mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

2.3.2. Về xem xét yêu cầu xác định lại về tiền lãi của bị đơn bà Vũ Lan H:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K đề nghị Tòa án xem xét tính lại số tiền lãi đã trả cho bà H theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại trừ vào tiền gốc bà H, ông K còn nợ bà H và ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì khi xem xét các hợp đồng vay tài sản thì đồng thời phải xem xét lãi suất vay giữa các bên, nếu lãi suất các bên đã thanh toán cho nhau vượt quá lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm vay thì tiền lãi các bên đã thanh toán cho nhau sẽ được tính lại, số tiền lãi đã trả còn thừa sẽ được trừ vào tiền nợ gốc. Vì vậy Hội đồng xét xử không xác định yêu cầu này của bà H và ông K là yêu cầu phản tố, việc tính lại tiền lãi đã trả là bắt buộc theo quy định của pháp luật.

2.3.3. Căn cứ vào "Giấy vay tiền" ngày 23-8-2017 (tức ngày 02-7-2017 âm lịch) bà H và ông H cho vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà H và ông K đã trả tiền lãi một tháng là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) là 20%/12 tháng x 1.000.000.000 đồng = 16.666.600 đồng (đã làm tròn), số tiền lãi bà H đã trả vượt quá, được đối trừ vào tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng - 16.666.600 đồng =

3.333.400 đồng. Số tiền gốc bà H và ông K còn nợ là: 1.000.000.000 đồng - 3.333.400 đồng = 996.666.600 đồng

2.3.4. Căn cứ vào "Giấy vay tiền" ngày 03-10-2017 (tức ngày 14-8-2017 âm lịch) bà H và ông H tiếp tục cho bà H và ông K vay 900.000.000 đồng nhưng viết gộp cả khoản vay ngày 23-8-2017 thành một giấy, lãi suất 2%/tháng, căn cứ vào mục 2.3.3 về số tiền gốc sau khi đã trừ số tiền lãi quá quy định thì khoản nợ gốc sẽ là 996.666.600 đồng + 900.000.000 đồng = 1.896.666.600 đồng. Khoản vay này bà H và ông K đã trả tiền lãi được hai tháng. Cụ thể như sau:

Từ ngày 03-10-2017 đến ngày 02-11-2017, số tiền lãi đã trả theo lãi suất thỏa thuận (24%/năm) là: 24%/12 tháng x 1.896.666.600 đồng x 1 tháng = 37.933.332 đồng. Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) là: 20%/12 tháng x 1.896.666.600 đồng x 1 tháng = 31.611.110 đồng, số tiền lãi bà H đã trả vượt quá, được đối trừ vào tiền nợ gốc là 37.933.332 đồng - 31.611.110 đồng = 6.322.222 đồng. Số tiền gốc bà H và ông K còn nợ là: 1.896.666.600 đồng - 6.322.222 đồng = 1.890.344.378 đồng.

Từ ngày 03-11-2017 đến 02-12-2017, số tiền lãi đã trả theo lãi suất thỏa thuận (24%/năm) là: 24%/12 tháng x 1.890.344.378 đồng x 1 tháng = 37.806.900 đồng (đã làm tròn). Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) là: 20%/12 tháng x 1.890.344.378 đồng x 1 tháng = 31.505.700 đồng (đã làm tròn), số tiền lãi bà H đã trả vượt quá, được đối trừ vào tiền nợ gốc là 37.806.900 đồng - 31.505.700 đồng = 6.301.200 đồng. Số tiền gốc bà H và ông K còn nợ là: 1.890.344.378 đồng - 6.301.200 đồng = 1.884.043.178 đồng.

Từ ngày 03-12-2017 đến 31-12-2017 (29 ngày) bà H và ông K chưa trả lãi của khoản nợ gốc là 1.884.043.178 đồng. Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 1.884.043.178 đồng x 29 ngày = 29.938.200 đồng (đã làm tròn).

Căn cứ vào nhận định tại mục 2.2.1 về số tiền nợ gốc và mục 2.3.1 về xác định thời hạn tính tiền lãi khi bà H và ông H cho vay thêm 100.000.000 đồng thì số tiền nợ gốc của bà H và ông K còn nợ kể từ ngày 01-01-2018 là: 1.884.043.178 đồng + 100.000.000 đồng = 1.984.043.178 đồng. Từ ngày 01-01-2018 đến ngày 31-5-2019, bà H đã trả cho bà H và ông H số tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận (24%/năm) là 644.343.484 đồng. Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 536.952.903 đồng. Số tiền lãi bà H đã trả vượt quá, được đối trừ vào tiền nợ gốc là 644.343.484 đồng - 536.952.903 đồng = 107.390.581 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại tính đến ngày 31-5-2019 là 1.984.043.278 đồng - 107.390.581 đồng = 1.876.652.600 đồng (đã làm tròn).

Theo bảng kê chi tiết như sau:

Kỳ vay	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tiền cho vay	Lãi theo thỏa thuận 24%	Lãi theo quy định 20%	Phần lãi vượt quá được trừ vào nợ gốc
1	01/01/2018	31/01/2018	1.984.043.178	39.680.864	33.067.386	6.613.477
2	01/02/2018	03/3/2018	1.977.429.701	39.548.594	32.957.162	6.591.432
3	04/3/2018	03/4/2018	1.970.838.268	39.416.765	32.847.304	6.569.461
4	04/4/2018	04/5/2018	1.964.268.808	39.285.376	32.737.813	6.547.563
5	05/5/2018	04/6/2018	1.957.721.245	39.154.425	32.628.687	6.525.737
6	05/6/2018	05/7/2018	1.951.195.507	39.023.910	32.519.925	6.503.985
7	06/7/2018	05/8/2018	1.944.691.522	38.893.830	32.411.525	6.482.305
8	06/8/2018	05/9/2018	1.938.209.217	38.764.184	32.303.487	6.460.697
9	06/9/2018	06/10/2018	1.931.748.520	38.634.970	32.195.809	6.439.162
10	07/10/2018	06/11/2018	1.925.309.358	38.506.187	32.088.489	6.417.698
11	07/11/2018	07/12/2018	1.918.891.660	38.377.833	31.981.528	6.396.306
12	08/12/2018	07/01/2019	1.912.495.355	38.249.907	31.874.923	6.374.985
13	08/01/2019	07/02/2019	1.906.120.370	38.122.407	31.768.673	6.353.735
14	08/02/2019	10/3/2019	1.899.766.636	37.995.333	31.662.777	6.332.555
15	11/3/2019	10/4/2019	1.893.434.080	37.868.682	31.557.235	6.311.447
16	11/4/2019	11/5/2019	1.887.122.633	37.742.453	31.452.044	6.290.409
17	12/5/2019	31/5/2019	1.880.832.224	25.077.763	20.898.136	4.179.627
Tổng cộng			1.876.652.597	644.343.484	536.952.903	107.390.581

Căn cứ nhận định tại mục 2.2.2 về thời điểm trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, tính đến thời điểm ngày 31-5-2019 bà H và ông K còn nợ số tiền gốc là 1.876.652.600 đồng - 500.000.000 đồng = 1.376.652.600 đồng. Từ ngày 01-6-2019 đến ngày 31-8-2020, bà H đã trả cho bà H và ông H số tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận (24%/năm) là 398.241.895 đồng. Số tiền lãi phải trả tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 331.868.246 đồng. Số tiền lãi bà H đã trả vượt quá, được đối trừ vào tiền nợ gốc là 398.241.895 đồng - 331.868.246 đồng = 66.373.649 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại tính đến ngày 31-8-2020 là 1.376.652.600 đồng - 66.373.649 đồng = 1.310.278.951 đồng.

Theo bảng kê chi tiết như sau:

Kỳ vay	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tiền cho vay	Lãi theo thỏa thuận 24%	Lãi theo quy định 20%	Phần lãi vượt quá được trừ vào nợ gốc

1	01/6/2019	01/7/2019	1.376.652.600	27.533.052	22.944.210	4.588.842
2	02/7/2019	01/8/2019	1.372.063.758	27.441.275	22.867.729	4.573.546
3	02/8/2019	01/9/2019	1.367.490.212	27.349.804	22.791.504	4.558.301
4	02/9/2019	02/10/2019	1.362.931.911	27.258.638	22.715.532	4.543.106
5	03/10/2019	02/11/2019	1.358.388.805	27.167.776	22.639.813	4.527.963
6	03/11/2019	03/12/2019	1.353.860.842	27.077.217	22.564.347	4.512.869
7	04/12/2019	03/01/2020	1.349.347.973	26.986.959	22.489.133	4.497.827
8	04/01/2020	03/02/2020	1.344.850.146	26.897.003	22.414.169	4.482.834
9	04/02/2020	05/3/2020	1.340.367.313	26.807.346	22.339.455	4.467.891
10	06/3/2020	05/4/2020	1.335.899.421	26.717.988	22.264.990	4.452.998
11	06/4/2020	06/5/2020	1.331.446.423	26.628.928	22.190.774	4.438.155
12	07/5/2020	06/6/2020	1.327.008.269	26.540.165	22.116.804	4.423.361
13	07/6/2020	07/7/2020	1.322.584.908	26.451.698	22.043.082	4.408.616
14	08/7/2020	7/8/2020	1.318.176.291	26.363.526	21.969.605	4.393.921
15	08/8/2020	31/8/2020	1.313.782.370	21.020.518	17.517.098	3.503.420
Tổng cộng			1.310.278.951	398.241.895	331.868.246	66.373.649

2.4. Về yêu cầu tính lãi quá hạn từ tháng 9-2020 của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H đề nghị Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật để buộc bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải trả tiền lãi quá hạn kể từ tháng 9-2020 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trong giấy vay tiền các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ tuy nhiên sau khi quá hạn trả nợ nhưng các bên vẫn thực hiện việc trả lãi trong hạn theo thỏa thuận và không có tranh chấp gì, vì vậy yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số tiền nợ gốc còn lại để buộc bà H, ông K phải chịu tiền lãi quá hạn chưa trả từ ngày 01-9-2020 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là hết ngày 19-01-2024. Cụ thể như sau: 1.310.278.951 đồng x 20%/1năm x 150% x 3 năm 5 tháng 16 ngày = 1.360.267.000 đồng (đã làm tròn).

Ngoài ra từ tháng 9-2020 đến tháng 01-2023 bà H còn trả tổng cộng bảy lần tiền lãi gồm: Ngày 17-12-2020 trả số tiền 2.500.000 đồng, ngày 05-5-2021 trả số tiền 3.000.000 đồng, ngày 15-6-2021 trả số tiền 5.000.000 đồng, ngày 17-7-2021 trả số tiền 5.000.000 đồng, ngày 01-11-2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 01-01-2023 trả số tiền 2.000.000 đồng, ngày 04-01-2023 trả số tiền 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 24.000.000 đồng, số tiền lãi này sẽ được trừ vào số tiền lãi bà H phải trả từ thời điểm từ tháng 9-2020. Cụ thể là 1.360.267.000 đồng - 24.000.000 đồng = 1.336.267.000 đồng.

Như vậy số tiền bà H và ông K phải trả cho bà H và ông H là: Nợ gốc 1.310.278.951 đồng, nợ lãi trong hạn còn thiếu từ ngày 03-12-2017 đến 31-12-2017 là 29.938.200 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.336.267.000 đồng. Tổng cộng là 2.676.484.000 đồng (đã làm tròn)

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 20-01-2024) cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tại thời điểm xét xử là 1.310.278.951 đồng với mức lãi suất đã được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật là 20%/năm x 150% = 30%.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngoc H và ông Trần Xuân H được chấp nhận, nên bà Trần Thị Ngoc H và ông Trần Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí mà bà bà Trần Thị Ngoc H và ông Trần Xuân H đã nộp sẽ được trả lại.

Bà Vũ Lan H, ông Trần Xuân K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H là: 72.000.000 đồng + (2.676.484.000 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2% = 85.529.700 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148; Điều 357; Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H đối với bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K.

Buộc bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải trả cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H số tiền tổng cộng là 2.676.484.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 1.310.278.951 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng), nợ lãi trong hạn còn thiếu từ ngày 03-12-2017 đến 31-12-2017 là 29.938.200 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm đồng), nợ lãi quá hạn là 1.336.267.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 20-01-2024) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tại thời điểm xét xử là 1.310.278.951 đồng với mức lãi suất đã được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật là 20%/năm x 150% = 30%.

3. Án phí:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Xuân H số tiền tạm ứng án phí 39.400.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Ngọc H đã nộp tại biên lai số 0000407, ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 85.529.700 đồng đồng (tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Lan H và ông Trần Xuân K có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Xuân H, bà Vũ Lan H, ông Trần Xuân K có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Trường